

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án Điều tra thu thập thông tin thống kê
các chỉ tiêu phát triển nhà ở**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023; Luật sửa đổi Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 26 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 94/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; Số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Số 357/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: Số 3627/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030; số 6809/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Hà Nội đến năm 2035; số 728/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 về phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Trưởng Thống kê, Thống kê thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 388/TTr - TKT ngày 17 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giao Thống kê Thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Tài chính; Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội; UBND xã, phường tổ chức thực hiện điều tra theo đúng Phương án quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Thống kê Thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *cc*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP *V.T.Anh*, TH, ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]

Dương Đức Tuấn

PHƯƠNG ÁN
ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026
của UBND thành phố Hà Nội)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở (viết gọn là DTNO) là cuộc điều tra được thực hiện hằng năm trong giai đoạn 2026-2030, bắt đầu từ năm 2026 nhằm mục đích:

- Xác định thực trạng, tình hình thực hiện một số chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội như: Dân số, tỷ lệ hộ có nhà ở (nhà ở chung cư, nhà ở riêng lẻ); diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực thành thị, nông thôn và toàn Thành phố ...;
- Xác định nhu cầu của người dân đối với từng loại hình nhà ở, khả năng chi trả (mua, thuê, thuê mua; có khả năng chi trả toàn bộ hoặc vay vốn mua, thuê mua nhà)...;
- Làm cơ sở đánh giá kết quả phát triển nhà ở hàng năm và xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố năm tiếp theo;
- Cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;
- Đáp ứng nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra theo đúng các nội dung quy định của Phương án điều tra;
- Bảo mật thông tin cá nhân thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;
- Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra phải bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả;
- Kết quả điều tra phải đáp ứng được mục đích của cuộc điều tra.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành trên phạm vi toàn bộ các xã, phường của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng của ĐTNO bao gồm:

- Hộ dân cư, các nhân khẩu thực tế thường trú của hộ dân cư, bao gồm cả những người thuộc lực lượng vũ trang là nhân khẩu thực tế thường trú của hộ; không bao gồm những người thuộc lực lượng vũ trang cư trú trong các khu doanh trại;
- Các công nhân, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Nhà ở của hộ dân cư.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra bao gồm:

- Các hộ dân cư. Hộ dân cư bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai;
- Các công nhân, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

III. LOẠI ĐIỀU TRA

ĐTNO là cuộc điều tra kết hợp giữa điều tra chọn mẫu với điều tra toàn bộ. Điều tra chọn mẫu được thực hiện đối với các hộ dân cư và các công nhân, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; điều tra toàn bộ được thực hiện đối với nhà ở của hộ dân cư.

Đối với hộ dân cư, quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức độ đại diện của các chỉ tiêu thống kê cho cấp thành phố, phân tổ theo thành thị, nông thôn và một số chỉ tiêu theo cấp xã.

Đối với các công nhân, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, quy mô mẫu được phân bổ để đánh giá nhu cầu về nhà ở xã hội của nhóm đối tượng này.

Cách thức chọn mẫu, số lượng mẫu được trình bày cụ thể trong Phụ lục I của Phương án.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ, THỜI GIAN THU THẬP THÔNG TIN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra là ngày đầu tiên điều tra viên (ĐTV) trực tiếp phỏng vấn đối tượng điều tra và ghi thông tin vào phiếu trong khoảng thời gian điều tra được quy định tại Mục 3, Phần IV Phương án này.

2. Thời kỳ điều tra

Các chỉ tiêu thời kỳ được quy định cụ thể tại phiếu điều tra.

3. Thời gian thu thập thông tin

- Đối với phiếu 01/NO-HO: Được tiến hành trong 03 kỳ vào tháng 4, tháng 7 và tháng 10 hằng năm (riêng năm 2026, tiến hành trong 03 kỳ vào tháng 8, tháng 9 và tháng 10). Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn mỗi kỳ là 25 ngày (bao gồm cả thời gian di chuyển), bắt đầu từ ngày 01 đến ngày 25;

- Đối với phiếu 02/NO-CN: Được tiến hành trong 01 kỳ vào tháng 8 và tháng 9 hằng năm. Thời gian thu thập thông tin là 02 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 30 tháng 9;

- Đối với phiếu 03/NO-XP: Được tiến hành trong 01 kỳ vào tháng 8 và tháng 9 hằng năm (riêng năm 2026, tiến hành trong 01 kỳ vào tháng 8, tháng 9 và tháng 10). Thời gian thu thập thông tin là 02 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 30 tháng 9 (riêng năm 2026, thời gian thu thập thông tin là 3 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 31 tháng 10).

4. Phương pháp điều tra

Áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn gián tiếp.

4.1. Đối với phiếu 01/NO-HO

Tại các địa bàn điều tra mẫu được chọn, ĐTV đến từng hộ dân cư được chọn mẫu để phỏng vấn đối tượng điều tra và nhập đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử CAPI (phiếu được cài đặt trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh của ĐTV).

4.2. Đối với phiếu 02/NO-CN

ĐTV liên hệ với những công nhân, người lao động được chọn mẫu để hướng dẫn ghi phiếu Webform, Excelform hoặc phỏng vấn và nhập đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử CAPI (phiếu được cài đặt trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh của ĐTV).

4.3. Đối với phiếu 03/NO-XP

Ủy ban nhân dân xã, phường triển khai tới các thôn, tổ dân phố để thu thập thông tin về tình trạng nhà ở trên địa bàn. ĐTV sử dụng phiếu điều tra giấy để ghi thông tin vào phiếu.

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra bao gồm các nhóm thông tin sau:

- Thông tin về hộ dân cư: Thông tin về nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, tình trạng việc làm, thực trạng nhà ở của hộ, nhu cầu mua nhà, thuê nhà, loại nhà muốn mua, muốn thuê...;

- Thông tin về công nhân, người lao động; thực trạng nhà ở, nhu cầu nhà ở xã hội của công nhân, người lao động ...;
- Thông tin về thực trạng nhà ở tại các xã, phường.

2. Phiếu điều tra

Cuộc điều tra sử dụng 03 loại phiếu điều tra để thu thập thông tin về đối tượng điều tra:

Phiếu số 01/NO-HO: Phiếu thu thập thông tin về thực trạng và nhu cầu nhà ở - *áp dụng cho hộ dân cư*;

Phiếu số 02/NO-CN: Phiếu thu thập thông tin về nhu cầu nhà ở xã hội - *áp dụng cho công nhân, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp*;

Phiếu 03/NO-XP: Phiếu thu thập thông tin về nhà ở tại xã, phường - *áp dụng cho các xã, phường*.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

ĐTNO sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê sau:

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ cập nhật đến thời điểm điều tra.
2. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.
4. Danh mục các dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02 tháng 3 năm 1979 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thống kê.
5. Bảng chuyển đổi năm âm lịch sang năm dương lịch;

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ THÔNG TIN, TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Sau khi hoàn thành việc điền thông tin vào phiếu điều tra, ĐTV thực hiện đồng bộ dữ liệu về hệ thống máy chủ của Thống kê Thành phố. Đối với phiếu điều tra số 03/NO-XP, ĐTV nhập thông tin của phiếu điều tra đã thu thập được vào chương trình excel và gửi đến UBND cấp xã và cơ quan Thống kê.

Giám sát viên các cấp thực hiện việc giám sát, kiểm tra thông tin, phúc tra, hoàn thiện và nghiệm thu số liệu.

2. Tổng hợp kết quả điều tra

Phương pháp suy rộng, tổng hợp kết quả điều tra được trình bày trong Phụ lục I.

Kết quả điều tra được tổng hợp theo các biểu đầu ra. Chương trình tổng hợp kết quả điều tra chủ yếu sử dụng các chương trình phần mềm thống kê như: Stata, SPSS...

VIII. KẾ HOẠCH TIỀN HÀNH ĐIỀU TRA

Cuộc điều tra được thực hiện theo Kế hoạch sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (Hàng năm)	Đơn vị thực hiện
1	Xây dựng, hoàn thiện Phương án, Kế hoạch điều tra, thiết kế, cập nhật những thay đổi, bổ sung phiếu điều tra và các biểu tổng hợp kết quả đầu ra (nếu có)	Tháng 01-3 (năm 2026: Tháng 3-7)	Thống kê Thành phố; Các đơn vị có liên quan.
2	Xây dựng, cập nhật những thay đổi, bổ sung tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, thiết kế phần mềm điều tra và trang Web điều hành tác nghiệp, cập nhật và nâng cấp (nếu có)	Tháng 01-3 (năm 2026: Tháng 3-7)	Thống kê Thành phố; Các đơn vị có liên quan.
3	Chọn và phân bổ địa bàn điều tra. In ấn, phân phối tài liệu điều tra	Tháng 01-3 (năm 2026: Tháng 3-7)	Thống kê Thành phố; UBND cấp xã; Các đơn vị có liên quan.
4	Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên và giám sát viên	Tháng 01-3 (năm 2026: Tháng 3-7)	Thống kê Thành phố; UBND cấp xã; Các đơn vị có liên quan.
5	Rà soát địa bàn, lập, cập nhật bảng kê và chọn hộ điều tra	Tháng 3, 6, 9 (năm 2026: Tháng 7, 8, 9)	Thống kê Thành phố; UBND cấp xã; Các đơn vị có liên quan.
6	Thu thập thông tin tại địa bàn điều tra	- Phiếu số 01/NO-HO: Từ ngày 01-25 các tháng 4, 7, 10 (năm 2026: Tháng 8, 9, 10); - Phiếu số 02/NO-CN: Tháng 8-9; - Phiếu số 03/NO-XP: Tháng 8-9 (năm 2026: Tháng 8-10)	Thống kê Thành phố; UBND cấp xã; Các đơn vị có liên quan.
7	Kiểm tra, giám sát, phúc tra, duyệt, nghiệm thu phiếu, dữ liệu điều tra	Tháng 3-11 (năm 2026: Tháng 8-11)	Thống kê Thành phố; UBND cấp xã; Các đơn vị có liên quan.
8	Xử lý thông tin và tổng hợp kết quả điều tra	Tháng 4-12 (năm 2026: Tháng 8-11)	Thống kê Thành phố; UBND cấp xã; Các đơn vị có liên quan.
9	Phân tích và phổ biến kết quả điều tra	Tháng 11-12	Thống kê Thành phố; Sở Xây dựng; Các đơn vị có liên quan.

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

1.1. Rà soát địa bàn, lập và cập nhật bảng kê đối tượng điều tra

Bảng kê được lập, rà soát và cập nhật trước thời điểm điều tra. Bảng kê là công cụ quan trọng giúp ĐTV liên hệ, tiếp cận đối tượng điều tra, phỏng vấn nhanh chóng, thuận tiện, giúp giám sát viên giám sát công việc của ĐTV.

Thống kê Thành phố phối hợp với UBND cấp xã triển khai rà soát địa bàn, lập và cập nhật bảng kê số hộ, số người tại các địa bàn mẫu; phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp lập, rà soát và cập nhật số lượng công nhân, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp.

1.2. Tuyển chọn ĐTV và giám sát viên

Thống kê Thành phố chủ trì tuyển chọn giám sát viên (GSV) cấp thành phố, phối hợp với UBND cấp xã tuyển chọn ĐTV phiếu số 01/NO-HO; phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp tuyển chọn ĐTV phiếu số 02/NO-CN;

UBND cấp xã chủ trì tuyển chọn GSV cấp xã, phối hợp với Thống kê Thành phố tuyển chọn ĐTV phiếu số 03/NO-XP.

ĐTV là những người có kinh nghiệm trong điều tra thống kê, có trình độ từ trung học phổ thông trở lên, có và sử dụng thành thạo máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh để thực hiện điều tra hoặc hướng dẫn đối tượng điều tra cung cấp thông tin vào phiếu điều tra.

Tiêu chuẩn đối với ĐTV được trình bày tại Phụ lục II của Phương án.

GSV là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của ĐTV; Hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới, ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. Có 2 cấp GSV: GSV cấp thành phố và GSV cấp xã.

1.3. Tập huấn nghiệp vụ điều tra

Thống kê Thành phố chủ trì phối hợp với UBND cấp xã tổ chức tập huấn cho GSV, ĐTV.

1.4. Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền nhằm làm rõ mục đích, lợi ích của cuộc điều tra, giúp đối tượng điều tra xác định được trách nhiệm và vinh dự, sẵn sàng phối hợp và cung cấp thông tin chính xác cho ĐTV.

UBND xã, phường tổ chức tuyên truyền đến các hộ dân cư bằng các hình thức thích hợp.

1.5. Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ do Thống kê Thành phố biên soạn và in ấn đảm bảo đúng thời gian quy định.

1.6. Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình phần mềm phục vụ rà soát và cập nhật đơn vị điều tra; chương trình chọn mẫu đơn vị điều tra; phiếu điều tra trên CAPI; các chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điện tử, chương trình tổng hợp kết quả điều tra, ...

2. Công tác điều tra tại địa bàn

- Đối với phiếu 01/NO-HO: Trên cơ sở bảng kê đã cập nhật lập bảng phân công khối lượng công việc cho từng ĐTV và báo cáo Thống kê Thành phố để bố trí kế hoạch kiểm tra, giám sát.

Căn cứ kế hoạch điều tra ĐTV liên hệ trực tiếp đến đối tượng điều tra được phân công để phỏng vấn và thu thập các thông tin, ghi phiếu chính xác, đầy đủ theo quy trình của cuộc điều tra.

- Đối với phiếu 02/NO-CN: Thống kê Thành phố chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp tổ chức điều tra thu thập thông tin tại địa bàn, bảo đảm việc thu thập thông tin thực hiện đúng yêu cầu chất lượng và thời gian quy định.

- Đối với phiếu 03/NO-XP: UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với Thống kê Thành phố tổ chức điều tra thu thập thông tin tại địa bàn, bảo đảm việc thu thập thông tin thực hiện đúng yêu cầu chất lượng và thời gian quy định.

Cuối mỗi ngày, ĐTV phải gửi dữ liệu đã điều tra được về máy chủ theo đúng quy định, sửa chữa sai sót khi có yêu cầu từ GSV. Bảo mật thông tin cá nhân và bảo đảm an toàn theo quy định.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm đảm bảo chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra, trong đó tập trung chủ yếu vào quá trình rà soát địa bàn, lập, cập nhật bảng kê, điều tra tại địa bàn, kiểm tra và duyệt phiếu trên trang Web điều hành. Quy trình kiểm tra, giám sát được thực hiện như sau:

3.1. Đối với giám sát viên cấp xã

Thực hiện giám sát, kiểm tra và duyệt số liệu của các ĐTV phiếu số 03/NO-XP với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, đảm bảo ĐTV tiến hành thu thập đúng đối tượng điều tra, tiến độ điều tra;

- Kiểm tra chất lượng thông tin, thông báo cho ĐTV những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh để hoàn thành phiếu;

- Duyệt toàn bộ các phiếu điều tra tại các địa bàn được phân công giám sát khi ĐTV đã hoàn thành điều tra, hoàn thiện sửa lỗi;

- Thông báo cho ĐTV những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý hoặc trả lời những câu hỏi của ĐTV liên quan đến nghiệp vụ điều tra;

- Trao đổi với GSV thành phố về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình điều tra.

3.2. Đối với giám sát viên cấp thành phố

Thực hiện giám sát, kiểm tra và duyệt số liệu của các địa bàn điều tra được phân công phụ trách với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra tiến độ điều tra hàng ngày của ĐTV thông qua các phiếu điều tra đã được GSV cấp xã duyệt; Kiểm tra chất lượng thông tin, thông báo cho GSV cấp xã những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh để hoàn thành phiếu;

- Duyệt toàn bộ các phiếu điều tra tại các địa bàn điều tra được phân công giám sát; Thông báo cho GSV cấp xã những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý hoặc trả lời những câu hỏi của GSV cấp xã liên quan đến nghiệp vụ và kỹ thuật điều tra.

4. Công tác phúc tra

Thông kê Thành phố chọn ngẫu nhiên từ 5-10% số hộ đã phỏng vấn để thực hiện phúc tra nhằm đánh giá chất lượng cuộc điều tra.

Để bảo đảm chất lượng, phúc tra viên được lựa chọn là người có kinh nghiệm, nắm vững nghiệp vụ, sử dụng thành thạo các phiếu điện tử, có trách nhiệm cao trực tiếp tới hộ được chọn để phúc tra. Khi thực hiện phúc tra, phúc tra viên tuyệt đối không để lộ thông tin của hộ được chọn phúc tra, ngay cả đối với chính quyền địa phương.

5. Nghiệm thu, xử lý thông tin, tổng hợp, phân tích và phổ biến kết quả điều tra

5.1. Nghiệm thu kết quả điều tra

- GSV cấp xã kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra của ĐTV tại các địa bàn điều tra được phân công phụ trách.

- GSV cấp thành phố kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra của toàn bộ các địa bàn điều tra.

5.2. Xử lý thông tin, tổng hợp, phân tích và phổ biến kết quả điều tra

Thông kê Thành phố thực hiện việc kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tổng hợp tính toán kết quả điều tra. Trên cơ sở dữ liệu điều tra đã hoàn thiện, Thông kê Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan tổng hợp, phân tích, báo cáo Thành phố để công bố và phổ biến kết quả điều tra.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Thông kê Thành phố

Hàng năm chủ trì việc xây dựng Kế hoạch điều tra, cập nhật, bổ sung những thay đổi vào Kế hoạch điều tra (nếu có), chuẩn bị các điều kiện để phục vụ điều tra, tổ chức thực hiện toàn bộ cuộc điều tra...; Chủ trì giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, xử lý dữ liệu, tổng hợp, phân tích, phổ biến kết quả điều tra.

6.2. Sở Xây dựng

Hàng năm phối hợp với Thống kê Thành phố xây dựng Kế hoạch điều tra, chuẩn bị các điều kiện để phục vụ điều tra. Trên cơ sở kết quả tổng hợp số liệu điều tra, Sở Xây dựng tham mưu báo cáo UBND Thành phố điều chỉnh, bổ sung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm và theo giai đoạn đảm bảo phù hợp với thực tế và quy định hiện hành.

6.3. Sở Tài chính

Phối hợp với Thống kê Thành phố để thực hiện tốt cuộc điều tra. Trên cơ sở đề xuất của Thống kê Thành phố, Sở Tài chính báo cáo UBND Thành phố cân đối, bố trí đầy đủ kinh phí thực hiện Phương án điều tra theo quy định; hướng dẫn Thống kê Thành phố, UBND cấp xã việc quản lý, sử dụng vốn ngân sách theo quy định.

6.4. Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp

Phối hợp với Thống kê Thành phố trong việc cung cấp thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ kết nối doanh nghiệp; phối hợp tổ chức rà soát, lập và cập nhật bảng kê số người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp.

6.5. Ủy ban nhân dân xã, phường

Chủ trì, phối hợp với Thống kê Thành phố trong công tác chuẩn bị điều tra, tổ chức điều tra thu thập thông tin tại địa phương theo Phương án điều tra; tham gia kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; đảm bảo đầy đủ kinh phí thực hiện Phương án điều tra tại địa phương theo quy định.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí điều tra do ngân sách Thành phố bố trí theo chế độ tài chính hiện hành và được quy định cho các cuộc điều tra thống kê, đảm bảo thực hiện đầy đủ những nội dung theo Phương án điều tra, cụ thể như sau:

1. Kinh phí thực hiện công tác chuẩn bị điều tra, tập huấn cho GSV, ĐTV; rà soát địa bàn; lập, cập nhật bảng kê lên hệ thống; chỉ dẫn đường (nếu có); điều tra phiếu số 01/NO-HO, 02/NO-CN; kiểm tra, giám sát cấp thành phố; phúc tra; nghiệm thu; xử lý thông tin; tổng hợp, phân tích và phổ biến kết quả điều tra; chi khác cấp thành phố do ngân sách Thành phố đảm bảo và bổ sung cho Thống kê Thành phố.

2. Kinh phí thực hiện tuyên truyền; điều tra thu thập thông tin tại địa bàn phiếu số 03/NO-XP; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, chi khác cấp xã phiếu số 03/NO-XP do ngân sách Thành phố đảm bảo và bổ sung cho cấp xã theo đúng quy định hiện hành.

Trên cơ sở dự toán được giao, các đơn vị căn cứ chế độ và khối lượng công việc cụ thể để lập dự toán và quản lý, sử dụng kinh phí được cấp, thực hiện báo cáo quyết toán tài chính theo quy định./.

Phụ lục I
QUY TRÌNH CHỌN MẪU
Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026
của UBND thành phố Hà Nội)

ĐTNO là cuộc điều tra kết hợp giữa điều tra chọn mẫu với điều tra toàn bộ. Điều tra chọn mẫu được thực hiện đối với các hộ dân cư và các công nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; điều tra toàn bộ được thực hiện đối với nhà ở của hộ dân cư.

Đối với hộ dân cư, quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức độ đại diện của các chỉ tiêu thống kê cho cấp thành phố, phân tổ theo thành thị, nông thôn và một số chỉ tiêu theo cấp xã.

Đối với các công nhân, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, quy mô mẫu được phân bổ để đánh giá nhu cầu về nhà ở xã hội của nhóm đối tượng này.

1. Chọn mẫu hộ dân cư (áp dụng đối với Phiếu số 01/NO-HO)

Mẫu ĐTNO năm 2026 gồm 52.440 hộ tại 2.622 địa bàn điều tra (viết gọn là ĐBDT) tương đương 34,1% địa bàn điều tra của toàn thành phố. Chia ra khu vực thành thị là 1.067 địa bàn và khu vực nông thôn là 1.555 địa bàn.

Mẫu của cuộc điều tra được chọn từ danh sách đơn vị hành chính mới năm 2025. Quy mô mẫu của cuộc điều tra được phân bổ cho các xã, phường theo phương pháp tỷ lệ với căn bậc hai quy mô số hộ của xã, phường. Mẫu điều tra là mẫu phân tầng hai giai đoạn, được thiết kế như sau:

Giai đoạn 1 (chọn địa bàn mẫu)

Ở giai đoạn này, danh sách địa bàn điều tra của các xã, phường được chọn từ danh sách đơn vị hành chính mới năm 2025 và được cập nhật đến thời điểm điều tra; thực hiện chọn các địa bàn điều tra theo phương pháp xác suất tỷ lệ với quy mô số hộ của địa bàn điều tra (PPS). Thực hiện theo phương pháp chọn mẫu này, các địa bàn có quy mô hộ lớn hơn sẽ có xác suất được chọn cao hơn. Công tác chọn mẫu được thực hiện trên chương trình phần mềm.

Giai đoạn 2 (chọn hộ)

Tại các địa bàn điều tra đã được chọn ở giai đoạn 1, thực hiện rà soát, cập nhật danh sách toàn bộ các hộ của địa bàn và tiến hành chọn 20 hộ theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống để thực hiện điều tra.

Số lượng địa bàn mẫu điều tra và số lượng hộ mẫu điều tra được trình bày cụ thể tại biểu phân bổ kèm theo.

Việc phân bổ địa bàn mẫu, hộ mẫu (theo kỳ điều tra) theo mức tương đối đồng đều giữa các kỳ điều tra để đảm bảo chất lượng và tiến độ điều tra.

Trên cơ sở kết quả điều tra, các chỉ tiêu thống kê được tính toán, suy rộng bằng việc sử dụng quyền số thiết kế mẫu theo công thức dưới đây:

1.1. Quyền số thiết kế mẫu theo công thức dưới đây

$$W_{hi}^1 = \frac{M_h}{n_h * M_{hi}} * \frac{M'_{hi}}{m_{hi}}$$

Trong đó:

W_{hi}^1 : Quyền số thiết kế địa bàn điều tra i của xã h;

M_h : Tổng số hộ của xã h năm 2025;

n_h : Số địa bàn điều tra mẫu được chọn của xã h;

M_{hi} : Số hộ của địa bàn i, xã h năm 2025;

M'_{hi} : Số hộ của địa bàn i, xã h khi rà soát lại địa bàn;

m_{hi} : Số hộ được chọn mẫu trong địa bàn điều tra i của xã h (20 hộ).

1.2. Điều chỉnh quyền số thiết kế theo số hộ không điều tra được

$$W_{hi}^2 = W_{hi}^1 * \frac{m_{hi}}{m''_{hi}}$$

Trong đó:

W_{hi}^2 : Quyền số thiết kế điều chỉnh địa bàn điều tra i của xã h;

W_{hi}^1 : Quyền số thiết kế địa bàn điều tra i của xã h;

m_{hi} : Số hộ được chọn mẫu trong địa bàn điều tra i của xã h.

m''_{hi} : Số hộ điều tra được tại địa bàn điều tra i của xã h.

1.3. Điều chỉnh quyền số chung theo dân số ước tính

$$W_h^3 = W_{hi}^2 * \frac{P_h}{P'_h}$$

Trong đó:

W_h^3 : Quyền số hiệu chỉnh dân số;

W_{hi}^2 : Quyền số thiết kế điều chỉnh địa bàn i của xã h;

P_h : Dân số theo kết quả ước tính của xã h;

P'_h : Dân số suy rộng theo quyền số thiết kế điều chỉnh W_{hi}^2 của xã h.

2. Chọn mẫu đối với công nhân, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp (áp dụng đối với Phiếu số 02/NO-CN)

Tiến hành rà soát các công nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố. Trên cơ sở số lượng công nhân rà soát được, căn cứ trên lượng kinh phí được bố trí và tính khả thi của quá trình điều tra, chọn ra 2.000 công nhân, người lao động để thu thập thông tin về nhu cầu nhà ở xã hội. Số lượng công nhân, người lao động được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống để thực hiện thu thập thông tin. Các chỉ tiêu tổng hợp từ phiếu điều tra được tổng hợp theo phương pháp trung bình mẫu.

**BIỂU PHÂN BỐ
SỐ ĐỊA BÀN MẪU VÀ SỐ HỘ MẪU THEO KỲ ĐIỀU TRA**

STT	Đơn vị hành chính	Số địa bàn	Chia theo kỳ điều tra			Số hộ	Chia theo kỳ điều tra		
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3		Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3
	Toàn Thành phố	2.622	873	873	876	52.440	17.460	17.460	17.520
1	Phường Ba Đình	21	7	7	7	420	140	140	140
2	Phường Ngọc Hà	21	7	7	7	420	140	140	140
3	Phường Giảng Võ	21	7	7	7	420	140	140	140
4	Phường Hoàn Kiếm	21	7	7	7	420	140	140	140
5	Phường Cửa Nam	21	7	7	7	420	140	140	140
6	Phường Hồng Hà	21	7	7	7	420	140	140	140
7	Phường Phú Thượng	21	7	7	7	420	140	140	140
8	Phường Tây Hồ	21	7	7	7	420	140	140	140
9	Phường Xuân Đình	21	7	7	7	420	140	140	140
10	Phường Bồ Đề	21	7	7	7	420	140	140	140
11	Phường Việt Hưng	21	7	7	7	420	140	140	140
12	Phường Phúc Lợi	21	7	7	7	420	140	140	140
13	Phường Long Biên	21	7	7	7	420	140	140	140
14	Phường Nghĩa Đô	21	7	7	7	420	140	140	140
15	Phường Cầu Giấy	21	7	7	7	420	140	140	140
16	Phường Yên Hòa	21	7	7	7	420	140	140	140
17	Phường Ô Chợ Dừa	21	7	7	7	420	140	140	140
18	Phường Láng	21	7	7	7	420	140	140	140
19	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám	21	7	7	7	420	140	140	140
20	Phường Kim Liên	21	7	7	7	420	140	140	140
21	Phường Đồng Đa	21	7	7	7	420	140	140	140
22	Phường Hai Bà Trưng	21	7	7	7	420	140	140	140
23	Phường Vĩnh Tuy	21	7	7	7	420	140	140	140
24	Phường Bạch Mai	21	7	7	7	420	140	140	140
25	Phường Vĩnh Hưng	21	7	7	7	420	140	140	140
26	Phường Trương Mai	21	7	7	7	420	140	140	140
27	Phường Định Công	21	7	7	7	420	140	140	140
28	Phường Lĩnh Nam	20	6	7	7	400	120	140	140
29	Phường Hoàng Mai	21	7	7	7	420	140	140	140

STT	Đơn vị hành chính	Số địa bàn	Chia theo kỳ điều tra			Số hộ	Chia theo kỳ điều tra		
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3		Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3
30	Phường Hoàng Liệt	21	7	7	7	420	140	140	140
31	Phường Yên Sở	20	6	7	7	400	120	140	140
32	Phường Phương Liệt	21	7	7	7	420	140	140	140
33	Phường Khương Đình	21	7	7	7	420	140	140	140
34	Phường Thanh Xuân	21	7	7	7	420	140	140	140
35	Phường Đại Mỗ	21	7	7	7	420	140	140	140
36	Xã Sóc Sơn	21	7	7	7	420	140	140	140
37	Xã Kim Anh	20	6	7	7	400	120	140	140
38	Xã Trung Giã	21	7	7	7	420	140	140	140
39	Xã Đa Phúc	21	7	7	7	420	140	140	140
40	Xã Nội Bài	21	7	7	7	420	140	140	140
41	Xã Đông Anh	21	7	7	7	420	140	140	140
42	Xã Phúc Thỉnh	21	7	7	7	420	140	140	140
43	Xã Thụ Lâm	21	7	7	7	420	140	140	140
44	Xã Thiên Lộc	21	7	7	7	420	140	140	140
45	Xã Vĩnh Thanh	21	7	7	7	420	140	140	140
46	Xã Phù Đổng	21	7	7	7	420	140	140	140
47	Xã Thuận An	21	7	7	7	420	140	140	140
48	Xã Gia Lâm	21	7	7	7	420	140	140	140
49	Xã Bát Tràng	21	7	7	7	420	140	140	140
50	Phường Từ Liêm	21	7	7	7	420	140	140	140
51	Phường Thượng Cát	20	6	7	7	400	120	140	140
52	Phường Đông Ngạc	21	7	7	7	420	140	140	140
53	Phường Tây Tựu	21	7	7	7	420	140	140	140
54	Phường Phú Diễn	21	7	7	7	420	140	140	140
55	Phường Xuân Phương	21	7	7	7	420	140	140	140
56	Phường Tây Mỗ	21	7	7	7	420	140	140	140
57	Xã Thanh Trì	21	7	7	7	420	140	140	140
58	Phường Thanh Liệt	21	7	7	7	420	140	140	140
59	Xã Đại Thanh	21	7	7	7	420	140	140	140
60	Xã Ngọc Hồi	20	6	7	7	400	120	140	140
61	Xã Nam Phù	21	7	7	7	420	140	140	140
62	Xã Quang Minh	21	7	7	7	420	140	140	140
63	Xã Yên Lãng	21	7	7	7	420	140	140	140
64	Xã Tiến Thắng	21	7	7	7	420	140	140	140

STT	Đơn vị hành chính	Số địa bàn	Chia theo kỳ điều tra			Số hộ	Chia theo kỳ điều tra		
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3		Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3
65	Xã Mê Linh	21	7	7	7	420	140	140	140
66	Phường Kiến Hưng	21	7	7	7	420	140	140	140
67	Phường Hà Đông	21	7	7	7	420	140	140	140
68	Phường Yên Nghĩa	21	7	7	7	420	140	140	140
69	Phường Phú Lương	21	7	7	7	420	140	140	140
70	Phường Dương Nội	21	7	7	7	420	140	140	140
71	Phường Sơn Tây	21	7	7	7	420	140	140	140
72	Phường Tùng Thiện	20	6	7	7	400	120	140	140
73	Xã Đoài Phương	20	6	7	7	400	120	140	140
74	Xã Phúc Thọ	21	7	7	7	420	140	140	140
75	Xã Phúc Lộc	21	7	7	7	420	140	140	140
76	Xã Hát Môn	21	7	7	7	420	140	140	140
77	Xã Quảng Oai	21	7	7	7	420	140	140	140
78	Xã Cổ Đô	21	7	7	7	420	140	140	140
79	Xã Minh Châu	16	6	5	5	320	120	100	100
80	Xã Vật Lại	21	7	7	7	420	140	140	140
81	Xã Bất Bạt	20	7	7	6	400	140	140	120
82	Xã Suối Hai	20	7	7	6	400	140	140	120
83	Xã Ba Vì	20	7	7	6	400	140	140	120
84	Xã Yên Bài	20	7	7	6	400	140	140	120
85	Xã Đan Phượng	21	7	7	7	420	140	140	140
86	Xã Liên Minh	20	7	6	7	400	140	120	140
87	Xã Ô Diên	21	7	7	7	420	140	140	140
88	Xã Hoài Đức	21	7	7	7	420	140	140	140
89	Xã Dương Hòa	21	7	7	7	420	140	140	140
90	Xã Sơn Đồng	21	7	7	7	420	140	140	140
91	Xã An Khánh	21	7	7	7	420	140	140	140
92	Xã Quốc Oai	21	7	7	7	420	140	140	140
93	Xã Kiều Phú	21	7	7	7	420	140	140	140
94	Xã Hưng Đạo	21	7	7	7	420	140	140	140
95	Xã Phú Cát	20	7	6	7	400	140	120	140
96	Xã Yên Xuân	20	6	7	7	400	120	140	140

STT	Đơn vị hành chính	Số địa bàn	Chia theo kỳ điều tra			Số hộ	Chia theo kỳ điều tra		
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3		Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3
97	Xã Thạch Thất	21	7	7	7	420	140	140	140
98	Xã Hạ Bằng	20	7	6	7	400	140	120	140
99	Xã Hòa Lạc	20	7	6	7	400	140	120	140
100	Xã Tây Phương	21	7	7	7	420	140	140	140
101	Phường Chương Mỹ	21	7	7	7	420	140	140	140
102	Xã Phú Nghĩa	21	7	7	7	420	140	140	140
103	Xã Xuân Mai	21	7	7	7	420	140	140	140
104	Xã Quảng Bị	21	7	7	7	420	140	140	140
105	Xã Trần Phú	20	7	6	7	400	140	120	140
106	Xã Hòa Phú	20	7	6	7	400	140	120	140
107	Xã Thanh Oai	21	7	7	7	420	140	140	140
108	Xã Bình Minh	21	7	7	7	420	140	140	140
109	Xã Tam Hưng	20	7	6	7	400	140	120	140
110	Xã Dân Hòa	21	7	7	7	420	140	140	140
111	Xã Thường Tín	21	7	7	7	420	140	140	140
112	Xã Hồng Vân	21	7	7	7	420	140	140	140
113	Xã Thượng Phúc	21	7	7	7	420	140	140	140
114	Xã Chương Dương	21	7	7	7	420	140	140	140
115	Xã Phú Xuyên	21	7	7	7	420	140	140	140
116	Xã Phượng Dực	21	7	7	7	420	140	140	140
117	Xã Chuyên Mỹ	21	7	7	7	420	140	140	140
118	Xã Đại Xuyên	21	7	7	7	420	140	140	140
119	Xã Vân Đình	21	7	7	7	420	140	140	140
120	Xã Ứng Thiên	21	7	7	7	420	140	140	140
121	Xã Ứng Hòa	21	7	7	7	420	140	140	140
122	Xã Hòa Xá	21	7	7	7	420	140	140	140
123	Xã Mỹ Đức	21	7	7	7	420	140	140	140
124	Xã Phúc Sơn	21	7	7	7	420	140	140	140
125	Xã Hồng Sơn	21	7	7	7	420	140	140	140
126	Xã Hương Sơn	21	7	7	7	420	140	140	140

Phụ lục II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐIỀU TRA VIÊN THỐNG KÊ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026
của UBND thành phố Hà Nội)

1. Tiêu chuẩn đối với điều tra viên

Điều tra viên (ĐTV) là những người được cơ quan thống kê tuyển chọn, được tập huấn và thực hiện điều tra thu thập thông tin tại địa bàn, có vai trò quan trọng quyết định đến chất lượng thông tin thu thập và sự thành công của cuộc điều tra. ĐTV được tuyển chọn dựa trên các tiêu chí sau:

- Là người đã tham gia các cuộc điều tra thống kê gần đây hoặc là người sinh sống tại địa bàn điều tra;

- ĐTV phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên (những nơi khó khăn, có thể tuyển chọn người có trình độ trung học cơ sở), có tinh thần trách nhiệm, được tập huấn nghiệp vụ điều tra, có sức khỏe, có và sử dụng thành thạo máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh để thực hiện điều tra thu thập thông tin bằng phiếu điều tra điện tử.

2. Nhiệm vụ cụ thể của điều tra viên

2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị

a. *Tham dự tập huấn nghiệp vụ điều tra:* Tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ điều tra, tham gia đầy đủ và tích cực các buổi đi thực tập tại địa bàn. ĐTV chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, liên hệ với tình hình thực tế của địa phương để nắm vững phạm vi trách nhiệm của mình, cụ thể hoá các vấn đề nghiệp vụ và phương pháp điều tra.

b. *Nhận đầy đủ các tài liệu, phương tiện điều tra:* Phiếu điều tra và các sổ tay hướng dẫn điều tra, bảng kê số hộ và số người (kèm danh sách các hộ mẫu được chọn điều tra)....

c. *Chuẩn bị địa bàn điều tra:* Rà soát bảng kê, kiểm tra, đối chiếu toàn bộ các ngôi nhà (kể cả nhà có người ở và nhà không có người ở) trong địa bàn và bảng kê số nhà, số hộ, số người. Phát hiện những ngôi nhà có người ở, những hộ và những nhân khẩu thực tế thường trú trong phạm vi địa bàn mình phụ trách bị bỏ sót hoặc mới chuyển đến để bổ sung, hiệu chỉnh hoặc lập mới bảng kê. Kiểm tra những hộ đã được giao điều tra xem hiện tại có còn tại địa bàn hay không.

d. *Thăm và hẹn ngày làm việc cụ thể với từng hộ:* ĐTV xây dựng lịch làm việc cụ thể cho ngày điều tra đầu tiên và những ngày tiếp theo nhằm tránh phải trở lại hộ nhiều lần. Phát hiện những hộ có thể đi vắng trong suốt thời gian điều tra để có kế hoạch điều tra phù hợp.

2.2. Trong giai đoạn điều tra

a. *Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra trong nhân dân và khi tiếp xúc với hộ.*

b. Thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin. Việc phỏng vấn, nhập thông tin vào phiếu điện tử phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót đối tượng điều tra, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót một thông tin nào trên phiếu.

c. Phỏng vấn đầy đủ các hộ, các đối tượng điều tra được giao thuộc địa bàn phụ trách.

d. Điều tra theo đúng tiến độ quy định: Thực hiện điều tra theo đúng tiến độ quy định. Đội ngũ GSV giúp ĐTV khắc phục hết các sai sót xảy ra, nhất là các lỗi hệ thống trong phỏng vấn và ghi phiếu. ĐTV cần tuyệt đối tránh tư tưởng chủ quan, lướt nhanh, làm ẩu dẫn đến kết quả kém chính xác. Thực hiện đồng bộ dữ liệu, gửi kết quả đã điều tra phiếu điện tử lên máy chủ theo đúng quy định.

đ. Cuối mỗi ngày điều tra: Kiểm tra lại các phiếu đã nhập thông tin, phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời, nếu cần thiết phải quay lại hộ để xác minh và sửa chữa. Việc sửa chữa những sai sót phải theo đúng quy định.

e. Tuân thủ sự chỉ đạo của GSV các cấp: Trong thời gian thực thi nhiệm vụ của mình, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh sự điều hành của GSV các cấp. Có tinh thần tương trợ, giúp đỡ các ĐTV khác về nghiệp vụ cũng như về công việc khác liên quan đến điều tra.

f. Không được tiết lộ các thông tin ghi trên phiếu cho người thứ ba.

2.3. Khi kết thúc điều tra

Rà soát bảng kê (kèm danh sách các hộ mẫu được chọn điều tra) nhằm phát hiện các hộ mẫu và nhân khẩu thực tế thường trú thuộc địa bàn điều tra đã được phân công mà chưa được điều tra ghi phiếu. Nếu có, phải tiến hành điều tra bổ sung.

3. Quyền lợi của ĐTV: ĐTV được thông báo về các khoản thù lao được hưởng và được thanh toán theo tỷ lệ hoàn thành (căn cứ vào số lượng phiếu điều tra được nghiệm thu thanh toán).

PHIẾU 01/NO-HO

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở
[NĂM ĐIỀU TRA]
(ÁP DỤNG CHO HỘ DÂN CƯ)

Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê

ĐỊNH DANH

THÀNH PHỐ: **HÀ NỘI**

--	--

XÃ/PHƯỜNG: _____

--	--	--	--	--

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: _____

--	--	--

THÀNH THỊ/NÔNG THÔN (THÀNH THỊ = 1; NÔNG THÔN = 2):

--

THÔN/XÓM/TỔ DÂN PHỐ TRƯỚC 01/7/2026: _____

THÔN/XÓM/TỔ DÂN PHỐ SAU 01/7/2026: _____

HỘ SỐ:

--	--	--

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ: _____

ĐỊA CHỈ CỦA HỘ (Ghi rõ số nhà, ngõ, ngách): _____

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q1. Xin ông/bà cho biết họ và tên những người thường xuyên ăn, ở tại hộ **được 6 tháng trở lên** tính đến 0 giờ ngày /..../[NĂM ĐIỀU TRA] không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ (không bao gồm sinh viên là người của hộ đang đi học xa nhà hoặc học sinh phổ thông đang học tại các trường nội trú)?

GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI

- | | |
|-----------|-----------|
| 1. _____ | 14. _____ |
| 2. _____ | 15. _____ |
| 3. _____ | 16. _____ |
| 4. _____ | 17. _____ |
| 5. _____ | 18. _____ |
| 6. _____ | 19. _____ |
| 7. _____ | 20. _____ |
| 8. _____ | 21. _____ |
| 9. _____ | 22. _____ |
| 10. _____ | 23. _____ |
| 11. _____ | 24. _____ |
| 12. _____ | 25. _____ |
| 13. _____ | 26. _____ |

Q2. Trong hộ ông/bà, có ai mới chuyển đến hộ (bao gồm cả trẻ em mới sinh) **chưa được 6 tháng** tính đến 0 giờ ngày /..../[NĂM ĐIỀU TRA] nhưng xác định ăn ở lâu dài tại hộ hoặc không có nơi ở ổn định nào khác?

CÓ.....1 ☐ ➔ HỒI HỌ VÀ TÊN ĐỂ GHI VÀO CÂU Q1, SAU ĐÓ CHUYỂN CÂU Q3
KHÔNG2 ☐

Q3. Trong tất cả những người đã kể tên có ai là:
(NHỮNG NGƯỜI CÓ TRONG CÂU Q1)

- Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ?
- Người đến hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đến chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...?
- Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình?
- Bộ đội, công an ăn, ở tập trung trong doanh trại/đơn vị?
- Chủ hộ đã chết trước thời điểm 0 giờ ngày /..../[NĂM ĐIỀU TRA]

1. CÓ 2. KHÔNG

☐	☐
☐	☐
☐	☐
☐	☐
☐	☐

(NẾU CÓ HỒI HỌ VÀ TÊN, ĐỒNG THỜI GẠCH TÊN Ở CÂU Q1)

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q4a. Trong hộ ông/bà, có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng tại thời điểm 0 giờ ngày /..../[NĂM ĐIỀU TRA] tạm vắng vì các lý do sau đây không? a. Đi làm ăn xa dưới 6 tháng và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động? b. Điều trị nội trú tại cơ sở y tế? c. Người rời hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đi chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...? d. Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ; người đi buôn chuyến; đi tàu viễn dương; đánh bắt hải sản? e. Đi nước ngoài trong thời hạn cho phép? f. Bị công an, quân đội tạm giữ?	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">1. CÓ</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">2. KHÔNG</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">☐</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">☐</td> </tr> </table> (NẾU KHÔNG CÓ AI THUỘC CÁC ĐỐI TƯỢNG TRÊN, CHUYỂN CÂU Q5a)	1. CÓ	2. KHÔNG	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1. CÓ	2. KHÔNG												
☐	☐												
☐	☐												
☐	☐												
☐	☐												
☐	☐												

Q4b. Xin cho biết họ và tên những người này? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI) <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">1. _____</td> <td style="width: 50%;">4. _____</td> </tr> <tr> <td>2. _____</td> <td>5. _____</td> </tr> <tr> <td>3. _____</td> <td>6. _____</td> </tr> </table>	1. _____	4. _____	2. _____	5. _____	3. _____	6. _____
1. _____	4. _____					
2. _____	5. _____					
3. _____	6. _____					

Q5a. Có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau 0 giờ ngày /..../[NĂM ĐIỀU TRA] và chưa được kể tên ở trên không?	CÓ..... 1 ☐ KHÔNG 2 ☐ ➔ Q6
--	--

Q5b. Xin cho biết họ và tên những người này? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI) <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">1. _____</td> <td style="width: 50%;">3. _____</td> </tr> <tr> <td>2. _____</td> <td>4. _____</td> </tr> </table>	1. _____	3. _____	2. _____	4. _____
1. _____	3. _____			
2. _____	4. _____			

Q6. Những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ là: ĐỌC TÊN NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC HIỂN THỊ TRONG DANH SÁCH (NHỮNG NGƯỜI KHÔNG BỊ GẠCH TÊN Ở CÂU Q1 VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÊN TRONG CÂU Q4b và CÂU Q5b)

Q7. Xin ông/bà cho biết ai là chủ hộ? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN) _____
--

MỤC 1: THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ

1. HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI LÀ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ.

2. [TÊN] có mối quan hệ thế nào với chủ hộ?

- CHỦ HỘ.....1 ☐
- VỢ/CHỒNG.....2 ☐
- CON ĐỂ3 ☐
- CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 ☐
- BỐ/MẸ5 ☐
- QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC.....6 ☐
- KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH.... 7 ☐

3. [TÊN] là nam hay nữ?

NAM ☐ 1 NỮ ☐ 2

4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?

THÁNG

NĂM → C6

KHÔNG XĐ NĂM.....9998

5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?

TUỔI TRÒN

6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?

KINH.....1 ☐

DÂN TỘC KHÁC.....2 ☐

TÊN DÂN TỘC

7. Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?

- CHƯA VỢ/CHỒNG1 ☐
- CÓ VỢ/CHỒNG.....2 ☐
- GOÁ VỢ/CHỒNG.....3 ☐
- LY HÔN.....4 ☐
- LY THÂN.....5 ☐

MỤC 2: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở (hỏi thành viên đại diện hộ)

8. Hộ ông/bà có nhà ở hay không?

(ĐTV QUAN SÁT, KẾT HỢP VỚI HỎI VÀ TÍCH VÀO CÂU TRẢ LỜI PHÙ HỢP)

CÓ1 ☐

ĐANG XÂY DỰNG VÀ Ở LẤN TẠM2 ☐

KHÔNG.....3 ☐

C24

9. Hộ ông/bà có ở chung ngôi nhà/căn hộ với (các) hộ khác không?

CÓ.....1 ☐ → SỐ NGƯỜI HỘ KHÁC SỐNG CHUNG

KHÔNG.....2 ☐ (KHÔNG TÍNH KHÁCH, TẠM TRÚ)

--	--

10. Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà ở riêng lẻ?

NHÀ CHUNG CƯ.....1 ☐

NHÀ Ở RIÊNG LẺ.....2 ☐

11. Ngôi nhà/căn hộ này có bao nhiêu phòng ngủ riêng biệt?

SỐ PHÒNG NGỦ RIÊNG BIỆT.....

--	--

12. Tổng diện tích **sử dụng để ở** của ngôi nhà/căn hộ này là bao nhiêu mét vuông?

DIỆN TÍCH (m²).....

--	--	--

13. Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

VẬT LIỆU BỀN CHẮC (BÊ TÔNG CỐT THÉP, XÂY GẠCH/ĐÁ, SẮT/THÉP/GỖ BỀN CHẮC).....1 ☐

VẬT LIỆU TẠM (GỖ TẠP/TRE, ĐẤT, VẬT LIỆU KHÁC)2 ☐

14. Vật liệu chính làm mái của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

VẬT LIỆU BỀN CHẮC (BÊ TÔNG CỐT THÉP, NGÓI, TẤM LỢP)1 ☐

VẬT LIỆU TẠM (LÁ/ROM RẠ/GIẤY DẦU, VẬT LIỆU KHÁC)2 ☐

15. Vật liệu chính làm tường hoặc bao che của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

VẬT LIỆU BỀN CHẮC (BÊ TÔNG CỐT THÉP, XÂY GẠCH/ĐÁ, GỖ/KIM LOẠI).....1 ☐

VẬT LIỆU TẠM (ĐẤT VÔI/ROM, PHIÊN/LIỆP/VÁN ÉP, VẬT LIỆU KHÁC)2 ☐

16. Ngôi nhà/căn hộ này được sử dụng từ năm nào?

- TRƯỚC 19751 ☐
- TỪ 1975 ĐẾN 19992 ☐
- TỪ 2000 ĐẾN 20093 ☐
- TỪ 2010 ĐẾN 20194 ☐
- TỪ 2020 ĐẾN NAY5 ☐
- 2 0** ←
- KHÔNG XÁC ĐỊNH6 ☐

17. Ngôi nhà/căn hộ mà hộ Ông/Bà đang ở thuộc quyền sở hữu của ai?

- NHÀ RIÊNG CỦA HỘ1 ☐
- NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA NHÀ NƯỚC2 ☐
- NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA CÁ NHÂN/TƯ NHÂN3 ☐
- NHÀ CỦA TẬP THỂ4 ☐
- CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU KHÁC HOẶC CHƯA RÕ QUYỀN SỞ HỮU5 ☐

18. Ngoài ngôi nhà/căn hộ đang ở, Hộ Ông/Bà có ngôi nhà/căn hộ nào khác ở TP Hà Nội không ?

- CÓ1 ☐
- KHÔNG2 ☐

19. Trong thời gian tới (đến năm 2030), hộ Ông/Bà có kế hoạch xây mới nhà ở hoặc sửa chữa, coi mới, mở rộng diện tích nhà ở không ?

- XÂY MỚI1 ☐ → **C23**
- SỬA CHỮA, COI MỚI, MỞ RỘNG2 ☐
- KHÔNG3 ☐ → **C24**

LƯU Ý : NẾU CÂU 17 CÓ MÃ = 2, 3, 4, 5 VÀ CÂU 18=2 THÌ CÂU 19 KHÔNG CÓ SỬA CHỮA, COI MỚI, MỞ RỘNG

20. Hộ Ông/Bà sửa chữa, coi mới, mở rộng ngôi nhà/căn hộ đang ở hay ngôi nhà/căn hộ khác ?

- NGÔI NHÀ/CĂN HỘ ĐANG Ở1 ☐
- NGÔI NHÀ/CĂN HỘ KHÁC2 ☐

21. Việc sửa chữa, coi mới, mở rộng nhà ở có làm tăng diện tích sử dụng để ở không ?

- CÓ1 ☐
- KHÔNG2 ☐ → **C24**

22. Diện tích sử dụng để ở tăng thêm khoảng bao nhiêu ?

- DƯỚI 20 m²1 ☐
- TỪ 20 m² ĐẾN 40 m²2 ☐
- TỪ 40 m² ĐẾN 60 m²3 ☐
- TỪ 60 m² TRỞ LÊN4 ☐
- C24** ←

23. Diện tích nhà ở xây mới **dự kiến khoảng** bao nhiêu ?

- DƯỚI 50 m².....1 ☐
- TỪ 50 m² ĐẾN 100 m².....2 ☐
- TỪ 100 m² ĐẾN 150 m².....3 ☐
- TỪ 150 m² ĐẾN 200 m².....4 ☐
- TRÊN 200 m².....5 ☐

24. Trong thời gian tới (đến năm 2030), hộ Ông/Bà có nhu cầu hoặc kế hoạch mua nhà ở/căn hộ tại TP Hà Nội không ?

- CÓ1 ☐
- KHÔNG2 ☐

C43 ←

25. Hộ Ông/Bà mua nhà ở/căn hộ với mục đích để ở hay đầu tư ?

- Để ở 1 ☐
- Để đầu tư 2 ☐
- Cả hai 3 ☐

KT2: KIỂM TRA CÂU 17, 18. NẾU CÂU 17 HOẶC CÂU 18 CÓ MÃ 1 HỎI CÂU 26, KHÁC CHUYỂN CÂU 27

26. Hộ Ông/Bà mua thêm hay chuyển đổi/bán ngôi nhà/căn hộ đang ở/đang có ?

- Mua thêm..... 1 ☐
- Chuyển đổi/Bán 2 ☐

27. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở tại khu vực nào ?

- THÀNH THỊ..... 1 ☐
- NÔNG THÔN 2 ☐

28. Hộ Ông/Bà muốn mua loại nhà ở nào ?

- NHÀ Ở XÃ HỘI 1 ☐ → **C37**
- NHÀ Ở KHÁC 2 ☐

29. Hộ Ông/Bà muốn mua loại hình nhà nào ?

- NHÀ CHUNG CƯ1 ☐
- NHÀ Ở RIÊNG LẺ2 ☐ → **C31**

30. Hộ Ông/Bà muốn mua căn hộ có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH: M² Số phòng ngủ → **C32**

31. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở riêng lẻ có diện tích xây dựng và số tầng là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH: M² Số tầng

LƯU Ý: DIỆN TÍCH LÀ TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG NHÀ Ở

32. Hộ Ông/Bà muốn mua ngôi nhà/căn hộ ở khu dân cư nào ?

KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU 1 ☐

KHU DÂN CƯ MỚI XÂY DỰNG 2 ☐

33. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở/căn hộ với khoảng giá nào?

Dưới 2 tỷ 1 ☐

Từ 2 tỷ đến dưới 4 tỷ 2 ☐

Từ 4 tỷ đến dưới 6 tỷ 3 ☐

Từ 6 tỷ đến dưới 8 tỷ 4 ☐

Từ 8 tỷ đến dưới 10 tỷ 5 ☐

Từ 10 tỷ trở lên 6 ☐

34. Nếu mua nhà, Ông/Bà có đủ tiền không hay phải vay thêm ?

CÓ ĐỦ TIỀN.....1 ☐ ➔ C50

PHẢI VAY THÊM.....2 ☐

35. Nếu phải vay thêm tiền, hộ Ông/Bà phải vay **khoảng** bao nhiêu % giá trị ngôi nhà/căn hộ ?

VAY THÊM DƯỚI 30% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ1 ☐

VAY THÊM TỪ 30 – 50% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ2 ☐

VAY THÊM TRÊN 50% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ3 ☐

36. Hộ Ông/Bà dự kiến vay thêm từ nguồn nào là chủ yếu ?

NGÂN HÀNG 1 ☐

KHÁC 2 ☐

➔ C50

37. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở xã hội có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH: M2 Số phòng ngủ

38. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở xã hội với khoảng giá nào ?

Dưới 2 tỷ 1 ☐

Từ 2 tỷ đến dưới 3 tỷ 2 ☐

Từ 3 tỷ trở lên 3 ☐

39. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở xã hội theo hình thức nào ?

MUA 1 ☐

THUÊ MUA 2 ☐

40. Nếu mua nhà, Ông/Bà có đủ tiền không hay phải vay thêm ?

CÓ ĐỦ TIỀN.....1 ☐ → C50

PHẢI VAY THÊM.....2 ☐

41. Nếu phải vay thêm tiền, hộ Ông/Bà phải vay **khoảng** bao nhiêu % giá trị căn hộ ?

VAY THÊM DƯỚI 30% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ1 ☐

VAY THÊM TỪ 30 - 50% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ2 ☐

VAY THÊM TRÊN 50% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ3 ☐

42. Hộ Ông/Bà dự kiến vay thêm từ nguồn nào là chủ yếu ?

NGÂN HÀNG 1 ☐

KHÁC 2 ☐ → C50

43. Nếu không thể mua, hoặc không muốn mua, hộ Ông/Bà có muốn thuê nhà ở TP Hà Nội không?

CÓ1 ☐

KHÔNG.....2 ☐ → C50

44. Hộ Ông/Bà muốn thuê nhà ở tại khu vực nào ?

THÀNH THỊ..... 1 ☐

NÔNG THÔN 2 ☐

45. Hộ Ông/Bà muốn thuê loại nhà ở nào ?

NHÀ Ở XÃ HỘI.....1 ☐ → C47

NHÀ Ở KHÁC.....2 ☐

46. Hộ Ông/Bà muốn thuê loại hình nhà nào ?

NHÀ CHUNG CƯ'1 ☐

NHÀ RIÊNG LẺ2 ☐ → C48

47. Hộ Ông/Bà muốn thuê căn hộ có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH: M2

Số phòng ngủ → C49

48. Hộ Ông/Bà muốn thuê nhà riêng lẻ có diện tích xây dựng và số tầng là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH: M2

Số tầng

LƯU Ý: DIỆN TÍCH LÀ TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG NHÀ Ở

49. Hộ Ông/Bà muốn thuê nhà ở với khoảng giá nào ?

Dưới 3 triệu/tháng 1 ☐

Từ 3 triệu đến dưới 6 triệu/tháng..... 2 ☐

Từ 6 triệu đến dưới 10 triệu/tháng..... 3 ☐

Từ 10 triệu đến dưới 15 triệu/tháng.....4 ☐

Trên 15 triệu/tháng 5 ☐

50. Hộ ông/bà hoặc thành viên hộ ông/bà có thuộc nhóm đối tượng nào sau đây không ?

CÂU 50 CÓ 1 Ô GHI CÓ THÌ HỎI CÂU 51, NẾU TẤT CẢ ĐỀU MÃ KHÔNG THÌ CHUYỂN CÂU 52

	1. CÓ	2. KHÔNG
1. Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ.....	☐	☐
2. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn.....	☐	☐
3. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.....	☐	☐
4. Hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo tại khu vực thành thị.....	☐	☐
5. Người thu nhập thấp tại khu vực thành thị.....	☐	☐
6. Công nhân, người lao động đang làm việc tại các DN, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu CN.....	☐	☐
7. Hộ gia đình có thành viên đang công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân.....	☐	☐
8. Cán bộ công chức, viên chức nhà nước.....	☐	☐
9. Hộ đã trả lại nhà công vụ.....	☐	☐
10. Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện phải thu hồi đất, giải tỏa, phá dỡ nhà ở mà chưa được nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.....	☐	☐
11. Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt, trường dân tộc nội trú công lập.....	☐	☐

51. Hộ ông/bà có được hưởng chính sách [...] không ? (đọc từng phương án cho đối tượng trả lời)

Lưu ý : chỉ tích "có" với 1 trong 3 phương án

	1. CÓ	2. KHÔNG
Thuê nhà ở xã hội.....	☐	☐
Thuê mua nhà ở xã hội	☐	☐
Mua nhà ở xã hội	☐	☐

52. Nếu hộ Ông/Bà thuộc diện phải thu hồi đất ở, giải tỏa, phá dỡ nhà ở, hộ Ông/Bà lựa chọn hình thức hỗ trợ nào ?

- Nhận nhà ở tái định cư1 ☐ → **Kết thúc phỏng vấn**
 Nhận tiền hỗ trợ để tự lo tái định cư2 ☐

53. Nguyên nhân nào khiến hộ Ông/Bà không muốn nhận nhà ở tái định cư ?

- Giá bán nhà cao1 ☐
 Vị trí ở xa với vị trí giải phóng mặt bằng.....2 ☐
 Chất lượng nhà ở không đảm bảo.....3 ☐
 Nguyên nhân khác (ghi rõ)4 ☐

54. Hiện nay TP Hà Nội có chủ trương chuyển đổi linh hoạt giữa các loại nhà ở (Nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, ...). Nếu nhà nước/chủ đầu tư bố trí Nhà ở Thương mại để phục vụ tái định cư, hộ Ông/Bà có muốn nhận nhà tái định cư không ?

- CÓ.....1 ☐
 KHÔNG.....2 ☐

Xin ông/bà cho biết số điện thoại liên hệ của hộ:_____

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở XÃ HỘI
[NĂM ĐIỀU TRA]**

(ÁP DỤNG CHO CÔNG NHÂN, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP
TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU CHẾ XUẤT)

Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật
theo quy định của Luật Thống kê

ĐỊNH DANH**A. THÔNG TIN VỀ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

CÔNG TY: _____
ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: _____

B. THÔNG TIN VỀ NƠI Ở HIỆN TẠI CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

THÀNH PHỐ: _____ HÀ NỘI

XÃ/PHƯỜNG: _____

THÔN/XÓM/TỔ DÂN PHỐ TRƯỚC 01/7/2026: _____

THÔN/XÓM/TỔ DÂN PHỐ SAU 01/7/2026: _____

THÀNH THỊ/NÔNG THÔN (THÀNH THỊ = 1; NÔNG THÔN = 2):

STT THEO BẢNG KÊ:

HỌ VÀ TÊN: _____

ĐỊA CHỈ NƠI Ở HIỆN TẠI: _____

SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ: _____

MỤC 1: THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

1.	HỌ VÀ TÊN: _____			
2.	[TÊN] là nam hay nữ?			
	NAM.....	1	☐	
	NỮ.....	2	☐	
3.	[TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?			
	THÁNG.....			
	NĂM.....			
	KXD NĂM9998		→ Câu 5	
4.	Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi tròn theo dương lịch?			
5.	[TÊN] thuộc dân tộc nào?			
	KINH.....1	☐		
	DÂN TỘC KHÁC.....2	☐		

	TÊN DÂN TỘC			
6.	Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?			
	CHƯA VỢ/CHỒNG.....	1	☐	
	CÓ VỢ/CHỒNG.....	2	☐	
	GÓI VỢ/CHỒNG.....	3	☐	
	LY HÔN.....	4	☐	
	LY THÂN.....	5	☐	
7.	[TÊN] có thường trú tại nơi ở hiện nay không?			
	CÓ.....1	☐		
	KHÔNG.....2	☐		

MỤC 2: CÔNG VIỆC CHÍNH

8. Hãy mô tả công việc chính và chức danh (nếu có) của [TÊN] hiện nay? (VÍ DỤ: THỢ VẬN HÀNH MÁY..., NHÂN VIÊN THEO DÕI NGUYÊN VẬT LIỆU,)

--	--	--	--

MÃ NGHỀ

9. Tên cơ sở nơi [TÊN] làm công việc trên là gì?

10. Hoạt động chính hoặc sản phẩm/dịch vụ chính của cơ sở nơi [TÊN] đang làm công việc trên là gì?

--	--	--	--

MÃ NGÀNH

11. Trung bình mỗi tháng, [TÊN] có thu nhập khoảng bao nhiêu tiền: Tiền công/tiền lương, lợi nhuận từ công việc này và các khoản thu nhập khác? Tiền công/tiền lương bao gồm cả tiền làm thêm giờ, tiền thưởng, tiền phụ cấp nghề và tiền phúc lợi khác. (ĐƠN VỊ TÍNH: NGHÌN ĐỒNG)

--	--	--	--	--	--

12. Với công việc này, [TÊN] đã ký loại hợp đồng lao động nào?

Hợp đồng không xác định thời hạn..... 1 ☐

Hợp đồng 1 năm đến dưới 3 năm..... 2 ☐

Hợp đồng 3 tháng đến dưới 1 năm.... 3 ☐

Hợp đồng dưới 3 tháng..... 4 ☐

Hợp đồng giao khoán công việc..... 5 ☐

Thỏa thuận miệng..... 6 ☐

Không có hợp đồng lao động..... 7 ☐

MỤC 3: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

13. Ngôi nhà/căn hộ mà [TÊN] đang ở là nhà chung cư hay nhà ở riêng lẻ?

NHÀ CHUNG CƯ.....1 ☐

NHÀ Ở RIÊNG LẺ.....2 ☐

14. [TÊN] có ở chung với ai trong ngôi nhà này không?

CÓ 1 ☐ → SỐ NGƯỜI SỐNG CHUNG

KHÔNG2 ☐

15. Tổng diện tích **sử dụng để ở** của ngôi nhà/căn hộ này là bao nhiêu mét vuông?

DIỆN TÍCH (m²).....

16. Ngôi nhà/căn hộ mà [TÊN] đang ở thuộc quyền sở hữu của ai?

NHÀ RIÊNG CỦA HỘ1 ☐

NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA NHÀ NƯỚC.....2 ☐

NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA CÁ NHÂN/TỰ NHÂN.....3 ☐

NHÀ CỦA TẬP THỂ.....4 ☐

CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU KHÁC HOẶC CHƯA RÕ QUYỀN SỞ HỮU.....5 ☐

17. Trong thời gian tới (đến năm 2030), [TÊN] có nhu cầu hoặc kế hoạch mua nhà ở xã hội tại TP Hà Nội không ?

CÓ..... 1 ☐

KHÔNG2 ☐

C25 ←

18. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở tại khu vực nào ?

THÀNH THỊ..... 1 ☐

NÔNG THÔN 2 ☐

19. [TÊN] muốn mua nhà ở xã hội có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH: M² Số phòng ngủ

20. [TÊN] muốn mua nhà ở xã hội với khoảng giá nào ?

Dưới 2 tỷ 1 ☐

Từ 2 tỷ đến dưới 3 tỷ 2 ☐

Từ 3 tỷ trở lên 3 ☐

21. [TÊN] muốn mua nhà ở xã hội theo hình thức nào?

Mua1 ☐

Thuê mua2 ☐ → KẾT THÚC PHÒNG VẤN

22. Nếu mua nhà, [TÊN] có đủ tiền không hay phải vay thêm ?

CÓ ĐỦ TIỀN.....1 ☐ → KẾT THÚC PHÒNG VẤN

PHẢI VAY THÊM2 ☐

23. Nếu phải vay thêm tiền, [TÊN] phải vay khoảng bao nhiêu % giá trị căn hộ ?

VAY THÊM DƯỚI 30% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ1 ☐

VAY THÊM TỪ 30 – 50% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ2 ☐

VAY THÊM TRÊN 50% GIÁ TRỊ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ3 ☐

24. [TÊN] dự kiến vay thêm từ nguồn nào là chủ yếu ?

NGÂN HÀNG 1

☐

KHÁC 2

☐

→ KẾT THÚC PHÒNG VẤN

25. Nếu không thể mua, hoặc không muốn mua, [TÊN] có muốn thuê nhà ở xã hội ở TP Hà Nội không?

CÓ1 ☐

KHÔNG.....2 ☐ → KẾT THÚC PHÒNG VẤN

26. [TÊN] muốn thuê nhà ở xã hội tại khu vực nào ?

THÀNH THỊ..... 1 ☐

NÔNG THÔN 2 ☐

27. [TÊN] muốn thuê nhà ở xã hội có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH: M2

Số phòng ngủ

28. [TÊN] muốn thuê nhà ở xã hội với khoảng giá nào?

Dưới 3 triệu/tháng 1 ☐

Từ 3 triệu đến dưới 6 triệu/tháng..... 2 ☐

Từ 6 triệu đến dưới 10 triệu/tháng..... 3 ☐

Từ 10 triệu đến dưới 15 triệu/tháng.....4 ☐

Trên 15 triệu/tháng 5 ☐

Xin [TÊN] cho biết số điện thoại liên hệ của [TÊN]: _____

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phiếu số 03/NO-XA

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở TẠI XÃ/PHƯỜNG NĂM

(Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo quy định của luật thống kê)

Thành phố: Hà Nội

Xã/phường:

Người thu thập thông tin:.....

Thôn/Tổ dân phố (Trước 01/7/2026):

Số điện thoại:.....

Thôn/Tổ dân phố (Sau 01/7/2026):

Địa bàn điều tra:.....

Thành thị/nông thôn (Thành thị =1; Nông thôn =2):.....

STT nhà ở	Địa chỉ nhà ở	Loại nhà	Tổng diện tích để ở	Ngôi nhà/căn hộ hiện nay có người ở hay không?	Trong 6 tháng qua ngôi nhà/căn hộ có người ở hay không?	Họ tên Chủ hộ đang ở	Ngôi nhà/căn hộ này thuộc quyền sở hữu của ai	Số người đang ở	Họ tên chủ sở hữu ngôi nhà/căn hộ	Ghi chú
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Ghi rõ số nhà, ngõ, ngách	1. Chung cư 2. Nhà ở riêng lẻ	m2	1: Có -> C6 2: Không	1. Có 2. Không -> C9		1. Nhà riêng của hộ 2. Nhà thuê/mượn của nhà nước 3. Nhà thuê/mượn của tư nhân 4. Nhà ở của tập thể 5. Các hình thức ở hữu khác hoặc chưa rõ quyền sở hữu	Người	Khai thác qua các nguồn khác nhau, nếu không biết ghi "Không biết"	
1										
2										
3										
...										

Tổng số nhà ở của địa bàn:

....., ngày tháng năm 2026

Người thu thập thông tin

(ký, ghi rõ họ tên)